

Bản án số: 111/2022/HSST  
Ngày: 14-6-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Đức.  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Mai.
2. Bà Lê Thị Chí.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thu Hoài – Thư ký Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy An - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xử án Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh – Số 416/2 đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 96/2022/HSST ngày 12/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXXST-HS ngày 23/5/2022, đối với bị cáo:

**Trần Thanh H;** sinh năm 1989, tại tỉnh Tiền Giang; Thường trú: Đường L, Phường M, quận G, Tp. Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Tổ H, khu phố N, phường T, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H1 và bà Đào Thị Thu H2; vợ Ngô Thanh T1, có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2021: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 08/10/2021 đến ngày 09/10/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

*Bị hại:* Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1980 (Vắng mặt).  
Địa chỉ: Đường L, Phường M, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Đào Thị Thu H2, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ H, khu phố N, phường T, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh;  
2/Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1992 (Vắng mặt).  
Địa chỉ: Đường T, Phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.  
3/Ông Trần Nguyên B, sinh năm 1985 (Vắng mặt).  
Địa chỉ: Đường L, Phường M, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.  
4/Ông Trần Minh P, sinh năm 1985 (Vắng mặt).  
Địa chỉ: Đường T, Phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.  
5/Bà Nguyễn Thị Bích H3, sinh năm 1964 (Vắng mặt).  
Địa chỉ: Đường L, Phường M, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 22h ngày 18/04/2007 Công an Phường M, quận G nhận được tin báo tại cửa hàng điện thoại di động N đường L, Phường M, quận G do anh Đặng Ngọc T, sinh năm 1980, HKTT: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi làm chủ bị kẻ gian đột nhập lấy trộm tài sản gồm 24 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G tiến hành khám nghiệm hiện trường ghi nhận sự việc ban đầu.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định Trần Thanh H là người trộm cắp tài sản tại cửa hàng điện thoại của anh T. Qua làm việc, Trần Thanh H khai nhận do gia đình có cho anh T thuê mặt bằng phía trước nhà để kinh doanh mua bán trao đổi điện thoại và H thường xuyên qua tiệm anh T chơi nên biết được nơi cất điện thoại, H nảy sinh ý định đột nhập vào tiệm anh T lấy trộm điện thoại bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Khoảng 20h30 ngày 18/04/2007, H thấy anh T đóng cửa tiệm và chạy xe đi về, H lấy một túi xách và dùng sợi kẽm dài khoảng 20cm mở chốt cửa phía sau tiệm đi đến quầy nơi cất điện thoại cũ đã qua sử dụng và dùng tay kéo bung cánh cửa tủ lấy trộm 24 điện thoại các loại bỏ vào túi xách sau đó đi về nhà cất giấu. H dùng dao lam rạch một đường hình vòng cung đủ để cho một người chui qua trên vách ngăn decal nhựa của cửa tiệm anh T nhằm tạo hiện trường giả. Sau khi đã tạo hiện trường giả H đến quán cà phê V kể bên báo cho ông Trần Thanh H1, sinh năm 1960 (cha ruột H) biết cửa tiệm của anh T bị kẻ gian đột nhập lấy trộm tài sản, anh H1 điện thoại báo anh T biết và cùng anh T vào kiểm tra sau đó đến Công an Phường M, quận G trình báo sự việc trên.

Sau khi lấy được điện thoại, khoảng 14h ngày 19/04/2007, H lấy 02 điện thoại Samsung, 01 điện thoại Nokia đem bán lấy tiền tiêu xài trả nợ và mang túi xách có 21 điện thoại đã lấy trộm đến gặp Nguyễn Minh T2 và cho T2 biết số

điện thoại trên do H lấy trộm của anh T. H nhờ T2 giữ giúp túi xách và cho T2 02 điện thoại di động hiệu LG KG800, Sony K700; đồng thời lấy tiếp 01 di động Nokia N73 đem bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 20h cùng ngày H cùng T2 lấy 01 điện thoại di động Nokia 6600 đem bán được 1.100.000 đồng, H cho T2 100.000 đồng và lấy 01 điện thoại Nokia 5300 sử dụng, ngoài ra H và T2 còn bán 01 điện thoại Nokia (không rõ loại) được 800.000 đồng H giữ hết không cho T2. Trong thời gian giữ túi xách cho H, T2 đã tự lấy 05 điện thoại các loại đem bán và cho người khác sử dụng cụ thể: cho anh Trần Minh P, sinh năm 1985 điện thoại di động Nokia 6111 và điện thoại Nokia không rõ loại, đem bán 02 điện thoại Samsung không rõ loại được 1.350.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu LG T2 sử dụng và làm mất.

Khoảng 10h ngày 24/04/2007, H cùng Trần Nguyên B, sinh năm 1985, HKTT đường T, Phường M, quận G đến gặp T2 lấy lại túi xách bên trong còn 09 điện thoại di động. Sau đó, H và B đem bán lấy tiền cụ thể gồm điện thoại di động Motorola V3i được 1.530.000 đồng; điện thoại di động 7610 được 1.500.000 đồng; điện thoại di động Motorola L7 được 1.500.000 đồng; điện thoại di động Nokia 5300 được 2.000.000 đồng; điện thoại di động Nokia N72 bán cho mẹ của B là bà Nguyễn Thị Bích H3, sinh năm 1964 được 3.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này H lấy hết chỉ cho B 100.000 đồng. Riêng điện thoại di động Sony W800i H cho B để sửa chữa lại sử dụng. Sau đó, B đem bán được 2.000.000 đồng, còn lại 03 điện thoại di động (02 samsung, 01 Nokia) H cho bạn tên T3 ngụ tại Quận N, TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 09/04/2012, Cơ quan điều tra Công an quận G ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Thanh H. Do gia đình bị can đã bán nhà chuyển đi nơi khác không rõ nơi đến nên Cơ quan điều tra không thực hiện được lệnh bắt bị can để tạm giam. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G ra Quyết định truy nã số 22 ngày 06/07/2012 đối với Trần Thanh H.

Ngày 08/10/2021, qua Công tác xác minh người tạm trú trên địa bàn, Công an phường T, Quận M, TP. Hồ Chí Minh phát hiện Trần Thanh H là đối tượng đang bị Công an truy nã nên bắt giữ bàn giao đối tượng cho Cơ quan CSĐT Công an quận G xử lý.

Vật chứng vụ án:

- Số tiền 1.200.000 đồng (số tiền H đã bán điện thoại).

- 02 điện thoại di động Nokia 7610 và Nokia 6111. Tại kết luận định giá tài sản số 87/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 23/10/2008 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự UBND quận G kết luận: Nokia 7610, imei số 357070005439940, hàng chính hãng, đã qua sử dụng giá 1.200.000 đồng; Nokia, code 0526614, imei số 357973002866215, hàng chính hãng, đã qua sử dụng giá 700.000 đồng. Tổng giá trị 1.900.000 đồng.

- 22 chiếc điện thoại (không thu hồi được). Tại Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự cấp quận-UBND quận G kết luận: 01 điện thoại Nokia 623i màu xám đen đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 2.870.000 đồng; 01 một điện thoại Motorola L7 màu đen đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 2.400.000 đồng; 01 điện thoại Motorola W375 màu xám đen đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 1.800.000 đồng; 01 điện thoại Nokia 2310 màu xanh lơ đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 1.100.000 đồng; 01 điện thoại Nokia N73 màu đen nâu đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 5.400.000 đồng; 01 điện thoại Nokia 5300 màu đỏ trắng đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 3.000.000 đồng; 02 điện thoại Nokia 6600 màu đen đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 3.800.000 đồng; 01 điện thoại sony W800i màu cam trắng đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 3,200.000 đồng; 01 điện thoại LG KG800 màu trắng sữa đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 3.450.000 đồng; 01 điện thoại samsung V200 màu bạc đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 800.000 đồng; 01 điện thoại samsung S500 màu bạc đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 650.000 đồng, 01 điện thoại O2 II màu bạc đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 2.500.000 đồng; 01 điện thoại Samsung D500 màu đen đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 1.750.000 đồng; 01 điện thoại Semen màu đen mờ đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 1.300.000 đồng; 01 điện thoại Nokia 6610i màu đen đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 900.000 đồng; 01 điện thoại Nokia 6610 màu đen đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 800.000 đồng; 01 điện thoại Motorola C168 màu đen đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 700.000 đồng; 01 điện thoại Samsung D820 màu đen đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 2.600.000 đồng; 01 điện thoại Motorola V3i màu đen đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 2.300.000 đồng; 01 điện thoại Nokia N72 màu đen đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 3.900.000 đồng; 01 điện thoại Sony Ericsson K700i màu xám đã qua sử dụng ngày 18/04/2007 là 1.250.000 đồng. Tổng cộng 46.470.000 đồng.

Tổng cộng 24 điện thoại Trần Thanh H đã trộm cắp của ông Đặng Ngọc T theo kết luận định giá tài sản có giá trị là 48.370.000 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận G, Tp. Hồ Chí Minh, Trần Thanh H đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của bản thân như đã nêu trên.

Ngày 17/10/2007 bà Đào Thị Thu H2 là mẹ ruột của H đã bồi thường cho ông Đặng Ngọc T số tiền 51.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 96/CT-VKS ngày 10/5/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận G, Tp. Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Thanh H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử

xem xét tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả để áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo. Đề nghị xử lý vật chứng: Tịch thu số tiền 1.200.000 đồng và 02 điện thoại di động Nokia 7610 và Nokia 6111.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G, Tp. Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận G, Tp. Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thanh H tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thừa nhận đã lấy trộm 24 điện thoại của ông Đặng Ngọc T theo kết luận định giá tài sản có giá trị là 48.370.000 đồng. Việc truy tố, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân quận G, Tp. Hồ Chí Minh đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đủ cơ sở xác định bị cáo Trần Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi muốn chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân nên vẫn cố tình phạm tội. Quá trình điều tra bị cáo đã bị truy nã và bị bắt theo quyết định truy nã. Do đó, cần phải có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả nên áp dụng điểm b, i, s, khoản 1, Điều

51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. Đối với Nguyễn Minh T2 và Trần Nguyên B có dấu hiệu của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Nhưng vụ án xảy ra vào thời điểm 18/04/2007 đến nay đã hết thời hiệu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với ông Đặng Ngọc T, tại phiên tòa ông T vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện ngày 17/10/2007 bà Đào Thị Thu H2 là mẹ ruột của H đã bồi thường cho anh Đặng Ngọc T số tiền 51.000.000 đồng. Ông T đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác, số tiền bồi thường bà H2 cho luôn H không yêu cầu trả lại nên Hội đồng xét xử không xét.

[8]. Về xử lý vật chứng:

[8.1]. Đối với số tiền 1.200.000 đồng (số tiền H đã bán điện thoại). Xét thấy là tiền bị cáo Trần Thanh H có được do thu lợi bất chính nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8.2]. Đối với 02 điện thoại di động Nokia 7610 và Nokia 6111. Xét thấy, là tài sản của ông Đặng Ngọc T, do ông T đã nhận tiền bồi thường, không có yêu cầu trả lại tài sản nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9]. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

[10]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thanh H 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 08/10/2021 đến ngày 09/10/2021.

- Căn cứ Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.200.000 đồng; 01 điện thoại di động màu đỏ đen hiệu Nokia 7610; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6111 màu trắng đen.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 904/PNK ngày 20/07/2007 của Công an quận G, Tp. Hồ Chí Minh).

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận G;
- Công an quận G;
- Trại giam nơi giam bị cáo;
- Cơ quan Thi hành án dân sự quận G;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Nguyễn Anh Đức**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Đức**





